

LỊCH HỌC THỰC HÀNH
(TUẦN: 07 - Từ ngày 02 tháng 10 đến ngày 08 tháng 10 năm 2017)

ĐƠN VỊ: TT Cơ khí

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học												Giáo viên	Ghi chú		
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7				CN	
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng			Ca	Phòng
1	ĐH	K9	CLC2	1		TH. CNC										3	CNC2			Lê Quang Lâm	F	
2	ĐH	K9	CK1	1		TH. CNC	1	CD													Đặng Xuân Thao	
3	ĐH	K9	CK1	2		TH. CNC	2	CD													Đặng Xuân Thao	
4	ĐH	K9	CK1	3		TH. CNC	3	CD													Đặng Xuân Thao	
5	ĐH	K9	CK2	2		TH. CNC										3	CNC2				Cao Thế Anh	T
6	ĐH	K9	CK3	1		TH. CNC				1	CNC2										Cao Thế Anh	T
7	ĐH	K9	CK3	2		TH. CNC				2	CNC2										Lê Quang Lâm	T
8	ĐH	K9	CK4	1		TH. CNC			1	CD											Đặng Xuân Thao	
9	ĐH	K9	CK4	2		TH. CNC			2	CD											Đặng Xuân Thao	
10	ĐH	K9	CK4	3		TH. CNC			3	CD											Đặng Xuân Thao	
11	ĐH	K9	CK4	4		TH. CNC												1	CD		Đặng Xuân Thao	
12	ĐH	K9	CK5	1		TH. CNC								1	CD						Đặng Xuân Thao	
13	ĐH	K9	CK5	2		TH. CNC								1	CNC1						Lê Quang Lâm	T
14	ĐH	K9	CK5	3		TH. CNC								2	CNC1						Cao Thế Anh	T
15	ĐH	K9	CK5	4		TH. CNC								2	CD						Đặng Xuân Thao	
16	ĐH	K9	CK6	1		TH. CNC						1	CNC2								Cao Thế Anh	T
17	ĐH	K9	CK6	2		TH. CNC						2	CNC2								Cao Thế Anh	T
18	ĐH	K9	CK6	3		TH. CNC						3	CNC2								Lê Quang Lâm	T
19	ĐH	K9	CK6	4		TH. CNC						1	CD								Đặng Xuân Thao	
20	ĐH	K9	CDT1	1		TH. CNC			3	CNC2											Lê Quang Lâm	T
21	ĐH	K9	CDT1	2		TH. CNC			1	CNC2											Cao Thế Anh	T
22	ĐH	K9	CDT1	3		TH. CNC			2	CNC2											Cao Thế Anh	T
23	ĐH	K9	CDT1	4		TH. CNC					3	CNC1									Lê Quang Lâm	T
24	ĐH	K9	CDT2	1		TH. CNC	3	CNC1													Lê Quang Lâm	F
25	ĐH	K9	CDT2	2		TH. CNC	1	CNC1													Cao Thế Anh	F
26	ĐH	K9	CDT2	3		TH. CNC	2	CNC1													Cao Thế Anh	F
27	CĐ	K17	Cơ điện 3	1		TH. CNC								3	CNC2						Cao Thế Anh	T
28	ĐH	K11	CDT1	1		TH. CG1			1	T3											Trần Ngọc Tân	TT
29	ĐH	K11	CDT1	2		TH. CG1			1	T2											Vũ Văn Khiêm	TT

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học												Giáo viên	Ghi chú		
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7				CN	
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng			Ca	Phòng
30	ĐH	K11	CDT1	3		TH. CG1			2	P1									Trần Ngọc Hiền	P		
31	ĐH	K11	CDT1	4		TH. CG1			2	BX									Đỗ Hồng Việt	P		
32	ĐH	K11	CDT2	1		TH. CG1						2	T1						Trần Trung Hiếu	TT		
33	ĐH	K11	CDT2	2		TH. CG1						1	T3						Trần Ngọc Tân	TT		
34	ĐH	K11	CDT2	3		TH. CG1				3	P2								Hoàng Văn Nam			
35	ĐH	K11	CDT2	4		TH. CG1						2	BX						Đỗ Hồng Việt	P		
36	ĐH	K11	CDT3	1		TH. CG1								3	P2				Vũ Văn Khiêm	TT		
37	ĐH	K11	CDT3	2		TH. CG1								3	T3				Trần Ngọc Tân	TT		
38	ĐH	K11	CDT3	3		TH. CG1			3	P2									Hoàng Văn Nam			
39	ĐH	K11	CDT3	4		TH. CG1									1	T3			Trần Ngọc Hiền	P		
40	CĐ	K18	CTM1	1		TH. CG2	1	P1	1	P1									Trần Ngọc Hiền	P		
41	CĐ	K18	CTM1	2		TH. CG2	1	BX	1	BX									Đỗ Hồng Việt	P		
42	CĐ	K18	CTM1	3		TH. CG2	1	T2	3	T2									Vũ Văn Khiêm	TT		
43	CĐ	K18	CTM1	4		TH. CG2	1	T3	3	T3									Trần Ngọc Tân	TT		
44	CĐ	K18	CDT1	1		TH. CG1						1	P1						Trần Ngọc Hiền	P		
45	CĐ	K18	CDT1	2		TH. CG1						2	P2						Hoàng Văn Nam	P		
46	CĐ	K18	CDT1	3		TH. CG1						1	BX						Đỗ Hồng Việt	P		
47	CĐ	K18	CDT1	4		TH. CG1											1	BX	Đỗ Hồng Việt	P		
48	CĐ	K18	CDT2	1		TH. CG1						3	T2					T2	Vũ Văn Khiêm	TT		
49	CĐ	K18	CDT2	2		TH. CG1									3	T2			Vũ Văn Khiêm	TT		
50	CĐ	K18	CDT2	3		TH. CG1									3	T3			Trần Ngọc Tân	TT		
51	CĐ	K18	CDT2	4		TH. CG1									1	T1			Trần Trung Hiếu	TT		
52	CĐN	K9	CGKL1	1		TH. PHAY	1	P2	1	P2	1	P2	3	P2	3	P2			Hoàng Văn Nam	P		
53	CĐN	K9	CGKL1	2		TH. PHAY	2	P1	3	P1	1	P1	2	P1	1	P1	2	P1	Trần Ngọc Hiền	P		
54	CĐN	K9	CGKL1	3		TH. PHAY	2	P2	3	P2	2	P2	3	P3			2	P3	2	P2	Đỗ Hồng Việt	P
55	CĐN	K9	CGKL1	4		TH. PHAY	1	P3	1	P3	3	P3	3	P3	3	P3	3	P3		Hoàng Xuân Thịnh	P	
56	LET CO	K13	CẮT GỌT	1		TH.CG	1	P3	1	P3	1	P3	1	P3					Trần Trung Hiếu	P		
57	LET CO	K14	CẮT GỌT	1		TH.CG	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3					Trần Ngọc Tân	TT		
58	LET CO	K14	CẮT GỌT	2		TH.CG	2	T2	2	T2	2	T2	2	T2					Vũ Văn Khiêm	TT		
59	CĐN	9	Hàn1	1	10	Hàn ống	2	H3	1,2	H3	1,2	H3	1	H3	2	H3	1,2	H3	2	H3	Đ.Q. Hưng	
60	CĐ-ĐH	11	CD-ĐH CK1	1	19	Thực hành hàn 2503101												1	H2	Đặng T Hiếu		
61			17012503101	2	19														2	H2	Đặng T Hiếu	
62			1101CDDH	3	19															1	H3	Đ.Q. Hưng

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học												Giáo viên	Ghi chú		
							Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7				CN	
							Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng			Ca	Phòng
63	ĐH	9	CK1 17012503101 0901	1	22	Thực hành hàn 2503101					1	H1							N.T. Giang			
2				22						1	H2							Đỗ Thái Phúc				
3				23						1	H2							Đặng T Hiếu				
66	ĐH	9	CK4 17012503101 0904	1	20	Thực hành hàn 2503101									1	H1				N.T. Giang		
2				20										1	H2				Đỗ Thái Phúc			
3				20										1	H2				Đặng T Hiếu			
4				20										1	H3				Đ.Q. Hưng			
70	ĐH	9	CK5 17012503101 0905	1	20	Thực hành hàn 2503101					1	H1						N.T. Giang				
2				20						1	H2						Đỗ Thái Phúc					
3				20						1	H2						Đặng T Hiếu					
4				20						2	H1						N.T. Giang					
74	ĐH	9	CK6 17012503101 0906	1	19	Thực hành hàn 2503101	1	H1										N.T. Giang				
2				19	1		H2										Đỗ Thái Phúc					
3				19	1		H3										Đ.Q. Hưng					
77	ĐH	9	CK7 17012503101 0907	1	27	Thực hành hàn 2503101	2	H2										Đặng T Hiếu				
2				27	2		H2										Đỗ Thái Phúc					
79	CĐ	17	CĐ1 17012504101 1701	1	21	Thực hành hàn 2504101			1	H1								N.T. Giang				
2				21				1	H2								Đỗ Thái Phúc					
3				20				2	H2								Đỗ Thái Phúc					
82	CĐ	17	CĐ2 17012504101 1702	1	23	Thực hành hàn 2504101					2	H2						Đặng T Hiếu				
2				23						2	H2						Đỗ Thái Phúc					
3				23						2	H3						Đ.Q. Hưng					
85	CĐ	19	CK4	1	22	Gò - Hàn	2	H1	2	H1	2	H1			2	H1	1,2	H1	1,2	H1	N.T. Giang	
2				22	1		H2	1	H2	2	H2			2	H2	1,2	H2			Đặng T Hiếu		
3				23	3		H2	2	H2			3	H2	3	H3	3	H3	3	H3	Đặng T Hiếu		
88	ĐH	9	CK3	1	18	TH ngoại									2	SC1			Vũ Đình Cứu	Tuần 7		
89	CĐ	18	(Cơ điện 1) (CNKTCK1)	1	21	TH ngoại									3	SC1			Vũ Đình Cứu	Tuần 4		
2				21	TH ngoại									2,3	SC2			Bùi Sơn Hải	Tuần 3,4			
3				21	TH ngoại												1,2	SC2		Bùi Sơn Hải		
4				20	TH ngoại									2	SC3			Chu Anh Tuấn				
93	CĐ	18	(Cơ điện 2) (CNKTCK2)	1	24	TH ngoại									1	SC1			Vũ Đình Cứu	Tuần 4,5		
2				24	TH ngoại									1,2	SC2			Bùi Sơn Hải				
3				25	TH ngoại					3	SC3			3	SC3			Chu Anh Tuấn				
96	CĐ	18	(Cơ điện 3)	1	21	TH ngoại	3	SC1			2	SC1	3						Vũ Đình Cứu	T8-10		
2				21	TH ngoại					2	SC2							Bùi Sơn Hải	T7			

